TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2025/DS-PT
Ngày: 12-02-2025
V/v tranh chấp: " *Thừa kế về tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu và ông Nguyễn Phước Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Đỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:*** Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp: "*Thừa kế về tài sản*".

Do, Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2024/DS-ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 422/2024/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị M: Ông Nguyễn Văn M3, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2021)

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tố Q - Công ty L11. Địa chỉ số C đường B, phuồng M, thành phố L, tỉnh An Giang thuộc Đoàn luật sư tỉnh A theo xác nhận số 02/XN-TDS ngày 10/02/2025

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Văn L, sinh năm 1947

2.2. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: tổ F, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

+ *Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị B*: Luật gia ông Dương Văn N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số C, tổ A, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị C, sinh năm 1948 (đã chết ngày 09/4/2021), gồm các ông bà:

3.1.1. Trịnh Văn D, sinh năm 1968.

3.1.2. Trịnh Thị Ngọc N1, sinh năm 1971.

3.1.3. Trịnh Thị R, sinh năm 1981.

3.1.4. Trịnh Văn D1, sinh năm 1978.

3.1.5. Trịnh Thị Ly P, sinh năm 1982.

3.1.6. Trịnh Thị Sa L1, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

3.2. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn T, sinh năm 1945 (đã chết ngày 02/7/2021), gồm các ông bà:

3.2.1. Nguyễn Thị A, sinh năm 1954.

3.2.2.Võ Thanh H, sinh năm 1976.

3.2.3.Võ Thị Diệu T1, sinh năm 1982.

3.2.4.Võ Thanh H1, sinh năm 1972.

3.2.5.Võ Thiện L2, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

3.3.Ông Võ Văn L3, sinh năm 1945.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

3.4. Bà Võ Thị C1, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

3.5. Bà Võ Thị L4, sinh năm 1955.

3.6. Ông Võ Văn D2, sinh năm 1958.

3.7. Bà Võ Thị T2, sinh năm 1962.

3.8. Ông Võ Văn B1, sinh năm 1967.

3.9.Võ Văn Đ, sinh năm 1969.

3.10. Bà Võ Thị Châu P1, sinh năm 1971.

3.11. Bà Võ Thị Trúc L5, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

3.12. Bà Lê Thị N2, sinh năm 1960.

3.13. Ông Lê Văn T3, sinh năm 1962.

3.14. Bà Lê Thị N3, sinh năm 1964.

3.15. Ông Lê Văn K, sinh năm 1968.

3.16. Bà Lê Thị N4, sinh năm 1970.

3.17. Ông Lê Thanh B2, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

3.18. ÔngNguyễn Văn Hải, sinh năm 1955.

3.19. Ông Nguyễn Văn N5, sinh năm 1959.

3.20. Ông Nguyễn Văn L6, sinh năm 1960.

3.21. Bà Nguyễn Thị N6, sinh năm 1962.

3.22. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972.

3.23. Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1974.

3.24.Ông Nguyễn Thanh P3, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

3.25. Ông Võ Văn N7, sinh năm 1971

3.26. Ông Văn Công M1, sinh năm 1972.

3.27. Bà Văn Thị Tài L7, sinh năm 1993.

3.28. Bà Văn Thị Yến N8, sinh năm 2006.

Cùng địa chỉ: tổ A, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

3.29. Ông Võ Hồng T4, sinh năm 1984.

3.30. Ông Võ Văn T5, sinh năm 1972.

3.31. Ông Võ Tấn P4, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

3.32. Ông Võ Văn B3, sinh năm 1958. Địa chỉ: tổ B, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

3.33. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị T6, sinh năm 1964 (đã chết ngày 06/01/2022), gồm các ông bà:

3.33.1. Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1965.

3.33.2. Ông Lê Quốc V, sinh năm 1984.

3.33.3. Bà Lê Thị Thùy T7, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

3.34. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị N9, sinh năm 1965 (đã chết ngày 11/01/2021), gồm các ông bà:

3.34.1. Ông Lê Hồng C2, sinh năm 1965.

3.34.2. Bà Lê Thị Thúy K1, sinh năm 1987.

3.34.3. Bà Lê Thị Thúy P5, sinh năm 1990.

3.34.4. Bà Lê Thị Hồng T8, sinh năm 1991.

3.34.5. Bà Lê Thị Hồng T9, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

3.34.6. Bà Võ Thị M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

3.34.7. Ông Võ Văn V1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: tổ A, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn V1: Ông Nguyễn Văn M3, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2023).

3.35. Bà Võ Thị M2, sinh năm 1972.

Địa chỉ: tổ A, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.36. Ông Võ Văn H3, sinh năm 1974.

3.37. Ông Võ Văn Đ2, sinh năm 1992.

3.38. Bà Võ Thị T10, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị Mai

Ông Nguyễn Văn Mộng, luật sư Nguyễn Tố Q, luật gia Dương Văn N có mặt, các đương sự còn lại đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M3 trình bày và có ý kiến như sau:*

Nguyên ông bà nội của bà Võ Thị M là cụ Võ Văn S, sinh năm 1910 (chết ngày 16/6/1982) và cụ Lê Thị S1, sinh năm 1912 (chết ngày 14/01/1997) chung

sống với nhau có 10 người con gồm:

1. Ông Võ Văn P6, sinh năm 1930 (chết ngày 05/10/2006);

2. Ông Võ Văn D3, sinh năm 1932 (chết ngày 15/02/1997);

3. Bà Võ Thị D4, sinh năm 1935 (chết ngày 02/6/2011);

4. Ông Võ Văn R1, sinh năm 1936 (chết ngày 31/5/2013);

5. Bà Võ Thị G, sinh năm 1942 (chết ngày 25/11/2007);

6. Bà Võ Thị C, sinh năm 1948;

7. Ông Võ Văn T, sinh năm 1945;

8. Ông Võ Văn L3, sinh năm 1945;

9. Ông Võ Văn L, sinh năm 1947

10. Bà Võ Thị C1, sinh năm 1955.

Lúc sinh tiền cụ S và cụ S1 có tạo được tài sản và đã phân chia cho các con, chỉ còn lại 355,8 m^2 đất, thể hiện tại các điểm 32, 44, 26, 12, 11, 22, 20, 18, 17, 16, 15, 14, 9, 7, 42, 41 trên Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ3 lập ngày 28/02/2022, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Cụ S và cụ S1 chết không để lại di chúc và hiện nay phần đất này đang do vợ chồng ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị B quản lý, sử dụng và đang trồng cây ăn trái. Ông L, bà B không chịu thỏa thuận phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Nay bà Võ Thị M yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản trên, bà M xin nhận hiện vật và đồng ý hoàn lại giá trị cho những đồng thừa kế khác.

** Bị đơn ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị B trình bày:*

Thừa nhận lời khai của nguyên đơn về di sản và những người thuộc diện thừa kế của cụ S và cụ S1. Khi các cụ còn sống thì diện tích đất này làm lối đi chung cho bà con ra đồng sản xuất và vận chuyển hàng hóa, cho đến hôm nay cũng vậy. Ông Võ Văn L chỉ là người gìn giữ đất chứ không sản xuất hay thu huê lợi từ diện tích đất trên. Việc trồng cây trên đất là để ngăn việc bị lấn chiếm, đồng thời, ông L có đắp đất nâng cao nền để thuận tiện cho việc người dân đi lại. Ý nguyện của cha mẹ ông được anh em đồng tình là giữ nguyên hiện trạng, không phân chia thừa kế.

Nay bà Võ Thị M là cháu, có yêu cầu phân chia thì ông Võ Văn L cũng đồng ý chia theo pháp luật và xin được ưu tiên nhận hiện vật là quyền sử dụng đất, ông đồng ý hoàn lại giá trị cho những người thừa kế khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Võ Văn V1 trình bày và có ý kiến như sau: Ông Võ Văn V1 là con của ông Võ Văn D3 (chết năm 1997), trước đây ông bà nội tôi là ông Võ Văn S (chết

ngày 16/6/1982) và bà Lê Thị S1 (chết ngày 14/01/1997). Lúc sinh tiền ông S và bà S1 có tạo lập được tài sản chung là đất thổ cư tọa lạc ấp T, xã T (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Hiện nay phần đất này do vợ chồng ông L, bà B chiếm giữ quản lý, sử dụng. Nay ông Võ Văn V1 đồng ý giao toàn bộ phần diện tích đất của ông bà nội là cụ S và cụ S1 để lại cho bà Võ Thị M.

- *Các ông Lê Văn T3, Nguyễn Văn L6 trình bày:* Lúc sinh tiền ông S và bà S1 có tạo lập được tài sản chung là đất thổ cư tọa lạc ấp T, xã T (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Nay các ông không yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông S và bà S1 để lại, tuỳ Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Các ông bà Trịnh Thị Ngọc N1, Trịnh Văn D, Trịnh Văn D1, Trịnh Thị R, Trịnh Thị Ly P, Trịnh Thị Sa L1, Trịnh Thị Ngọc N10, Võ Văn L3, Võ Thị C1, Nguyễn Thị A, Võ Thanh H, Võ Thị Diệu T1,Võ Thanh H1, Võ Thiện L2, Lê Văn K, Lê Thanh B2, Võ Thị Trúc L5, Võ Văn Đ, Võ Văn B1, Võ Thị Châu P1, Võ Văn D2, Võ Thị L8, Võ Thị T2, Võ Tấn P4, Võ Văn N7, Võ Hồng T4 trình bày:* Lúc sinh tiền ông S và bà S1 có tạo lập được tài sản chung là đất thổ cư tọa lạc ấp T, xã T (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Sau khi cha mẹ chết không để lại di chúc định đoạt phần di sản nêu trên và hiện nay phần đất này do vợ chồng ông L, bà B chiếm giữ quản lý, sử dụng. Nay các ông bà không yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cha mẹ để lại. Nếu theo quy định của pháp luật mà ông được hưởng di sản thì ông đồng ý để phần hưởng của ông cho cháu ông là ông Võ Văn V1 được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Lê Thị N2, Lê Thị N3, Lê Thị N4, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn N5, Nguyễn Thị N6, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thanh P3, *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị L9 (đã chết năm 2018), gồm: Văn Công M1, Văn Thị Tài L7, Văn Thị Yến N8,* Võ Hồng T4, Võ Văn T5, Võ Văn B3; Võ Thị T6 (đã chết ngày 06/01/2022). *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị T6 gồm: Ông Lê Văn Đ1, ông Lê Quốc V, Lê Thị Thùy T7;* Bà Võ Thị N9, sinh năm 1965 (đã chết ngày 11/01/2021). *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị N9 gồm: Lê Hồng C2 (chồng), Lê Thị Thúy K1, Lê Thị Thúy P5, Lê Thị Hồng T8, Lê Thị Hồng T9;* Võ Thị M2, Võ Văn H3, Võ Văn Đ2 chưa có gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như phần trình bày của bị đơn.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2024/DS-ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị M về yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ ông Võ Văn S, cụ bà Lê Thị S1 để lại.

- Diện tích 355,8 m^2 đất, thể hiện tại các điểm 32, 44, 26, 12, 11, 22, 20, 18, 17, 16, 15, 14, 9, 7, 42, 41 trên Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ3 lập ngày 28/02/2022, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An

Giang (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có giá trị tính thành tiền 17.790.000 đồng (mười bảy triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng) là di sản của cụ Võ Văn S và cụ Lê Thị S1.

- Những người thừa kế di sản của cụ Võ Văn S và cụ Lê Thị S1 gồm:

1. Ông Võ Văn P6, sinh năm 1930 (chết ngày 05/10/2006) có người thừa kế gồm ông bà: Võ Thị L4, Võ Văn D2, Võ Thị T2, Võ Văn B1, Võ Văn Đ, Võ Thị Châu P1, Võ Thị Trúc L5.

2. Ông Võ Văn D3, sinh năm 1932 (chết ngày 15/02/1997) có có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn B3; Võ Thị T6 (đã chết ngày 06/01/2022). *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Võ Thị T6 gồm: Ông Lê Văn Đ1, Ông Lê Quốc V, Lê Thị Thùy T7;* Bà Võ Thị N9, sinh năm 1965 (đã chết ngày 11/01/2021). *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Võ Thị N9 gồm: Lê Hồng C2 (chồng) Lê Thị Thúy K1, Lê Thị Thúy P5, Lê Thị Hồng T8, Lê Thị Hồng T9;* Võ Thị M, Võ Văn V1, Võ Thị M2, Võ Văn H3, Võ Văn Đ2, Võ Thị T10.

3. Bà Võ Thị D4, sinh năm 1935 (chết ngày 02/6/2011) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ gồm các ông bà: Lê Thị N2, Lê Văn T3, Lê Thị N3, Lê Văn K, Lê Thị N4, Lê Thanh B2

4. Ông Võ Văn R1, sinh năm 1936 (chết ngày 31/5/2013) có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn N7, *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Võ Thị L9 (đã chết năm 2018), gồm: Văn Công M1, Văn Thị Tài L7, Văn Thị Yến N8,* Võ Hồng T4, Võ Văn T5, Võ Tấn P4.

5. Bà Võ Thị G, sinh năm 1942 (chết ngày 25/11/2007) có người thừa kế gồm các ông bà: Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn N5, Nguyễn Văn L6, Nguyễn Thị N6, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thanh P3.

6. Bà Võ Thị C, sinh năm 1948 (đã chết ngày 09/4/2021) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ gồm các ông bà: Trịnh Văn D, Trịnh Thị Ngọc N1, Trịnh Thị R, Trịnh Văn D1, Trịnh Thị Ly P, Trịnh Thị Sa L1, Trịnh Thị Ngọc N10.

7. Ông Võ Văn T, sinh năm 1945 (đã chết ngày 02/7/2021) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ gồm các ông bà: Nguyễn Thị A, Võ Thanh H, Võ Thị Diệu T1, Võ Thanh H1, Võ Thiện L2.

8. Ông Võ Văn L3, sinh năm 1945.

9. Ông Võ Văn L, sinh năm 1947.

10. Bà Võ Thị C1, sinh năm 1955.

Mỗi người thừa kế hưởng một kỷ phần bằng nhau thành tiền là 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

Ông Võ Văn L được nhận thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng diện tích 355,8 m^2 đất, thể hiện tại các điểm 32, 44, 26, 12, 11, 22, 20, 18, 17, 16, 15, 14, 9, 7, 42, 41 trên Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ3 lập ngày 28/02/2022, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang và có nghĩa

vụ hoàn lại giá trị bằng tiền là 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng) cho mỗi người thừa kế.

Cụ thể ông Võ Văn L phải trả tiền như sau:

1. Ông Võ Văn P6 (đã chết ngày 05/10/2006) có người thừa kế gồm ông bà: Võ Thị L4, Võ Văn D2, Võ Thị T2, Võ Văn B1, Võ Văn Đ, Võ Thị Châu P1, Võ Thị Trúc L5 số tiền 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

2. Ông Võ Văn D3, (đã chết ngày 15/02/1997) có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn B3; Võ Thị T6 (đã chết ngày 06/01/2022). *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Võ Thị T6 gồm: Ông Lê Văn Đ1, Ông Lê Quốc V, Lê Thị Thùy T7;* Bà Võ Thị N9, sinh năm 1965 (đã chết ngày 11/01/2021). *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Võ Thị N9 gồm: Ông Lê Hồng C2, (chồng) Lê Thị Thúy K1, Lê Thị Thúy P5, Lê Thị Hồng T8, Lê Thị Hồng T9;* Võ Thị M, Võ Văn V1, Võ Thị M2, Võ Văn H3, Võ Văn Đ2, Võ Thị T10 số tiền 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

3. Bà Võ Thị D4, (đã chết ngày 02/6/2011) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Võ Thị D4 gồm: Lê Thị N2, Lê Văn T3, Lê Thị N3, Lê Văn K, Lê Thị N4, Lê Thanh B2 số tiền 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

4. Ông Võ Văn R1 (đã chết ngày 31/5/2013) có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn N7, Võ Thị L9 (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Võ Thị L9, sinh năm 1972 (chết năm 2018), gồm chồng và con: Văn Công M1, Văn Thị Tài L7, Văn Thị Yến N8, Võ Hồng T4, Võ Văn T5, Võ Tấn P4 số tiền 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

5. Bà Võ Thị G1, (đã chết ngày 25/11/2007) có người thừa kế gồm các ông bà: Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn N5, Nguyễn Văn L6, Nguyễn Thị N6, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thanh P3 số tiền 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

6. Bà Võ Thị C (đã chết ngày 09/4/2021) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ gồm các con, các ông bà: Trịnh Văn D, Trịnh Thị Ngọc N1, Trịnh Thị R, Trịnh Văn D1, Trịnh Thị Ly P, Trịnh Thị Sa L1, Trịnh Thị Ngọc N10 số tiền 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

7. Ông Võ Văn T (đã chết ngày 02/7/2021) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ gồm vợ và con: Nguyễn Thị A, Võ Thanh H, Võ Thị Diệu T1, Võ Thanh H1, Võ Thiện L2 số tiền 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

8. Ông Võ Văn L3 số tiền 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

9. Bà Võ Thị C1 số tiền 1.779.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Ông Võ Văn L sau khi trả tiền xong cho mỗi người thừa kế nêu trên thì có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 355,8 m^2 đất, thể hiện tại các điểm 32, 44, 26, 12, 11, 22, 20, 18, 17, 16, 15, 14, 9, 7, 42, 41 trên Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ3 lập ngày 28/02/2022, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 08/4/2024, nguyên đơn bà Võ Thị M kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2024/DS-ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Luật sư Nguyễn Tố Q là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra các quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị M giao toàn bộ di sản bằng hiện vật là diện tích đất cho bà M được quản lý, sử dụng do vị trí đất tranh chấp tiếp giáp phía sau vị trí đất của gia đình bà M, còn giao đất cho ông Mai Văn L10 sẽ không có đường đi vào khu mộ việc giao đất theo bản án sơ thẩm là không phù hợp. Theo biên bản định giá năm 2021 là thấp nên đề nghị định giá lại theo giá thị trường nhằm đảm bảo quyền lợi cho các đương sự

+ Ông Nguyễn Văn M3 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị M đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu của bà M được nhận hiện vật là diện tích đất và đồng ý hoàn giá trị lại cho các đồng thừa kế khác. Lý do, bà M yêu cầu được nhận hiện vật do vị trí đất của bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tiếp giáp đường, vị trí đất tranh chấp ở phía sau diện tích đất của bà M, nếu giao đất cho phía bị đơn sẽ không có đường đi, còn giao cho bà M được nhận diện tích đất này thì đất của vợ chồng bà M sẽ dài hơn. Đồng thời, giá theo biên bản định giá năm 2021 là thấp không phù hợp, do thiếu hiểu biết nên đề nghị định giá lại.

+ Luật gia Dương Văn N là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Huỳnh Thị B đưa ra các quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B thống nhất với bản án sơ thẩm không kháng cáo, đồng ý với giá cũng do nguyên đơn đưa ra. Ông L10, bà B nhằm tránh tranh chấp nên đồng ý nhận diện tích đất để giữ lại di sản của cha mẹ, phần ông L10 chỉ nhận 1/9 giá trị tài sản, ông L10 phải có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác, mức giá vào thời điểm xét xử phiá nguyên đơn đưa ra ông L10 thấy phù hợp nên không có yêu cầu công sức đóng góp, bồi đắp do đất trước đây là vùng trũng sau đắp đất lên mới bằng phẳng như hiện nay. Việc yêu cầu định giá lại đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét, theo bản án sơ thẩm xét xử giao di sản bằng hiện vật cho ông L10 là phù hợp nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị M, giữ nguyên Bản án số 76/2024/DS-ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Võ Thị M làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông Võ Văn L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Huỳnh Thị B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Những người thuộc hàng thừa kế của cụ S, cụ S1 chết trước khi cấp sơ thẩm thụ lý vào ngày 01 tháng 7 năm 2020, cụ thể là ông Võ Văn D3, chết ngày 15/02/1997; bà Võ Thị D4, chết ngày 02/6/2011; ông Võ Văn R1, chết ngày 31/5/2013; bà Võ Thị G1, chết ngày 25/11/2007; bà Võ Thị L9, chết năm 2018 nhưng xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng chưa chính xác theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật tố tụng quy định việc đưa người kế thừa quyền, nghĩa nghĩa vụ tố tụng. Tuy nhiên, đối với việc xác định tư cách đương sự của cấp sơ

thẩm chưa phù hợp nhưng cấp sơ thẩm đã đưa đầy đủ tất cả những người thuộc hàng thừa kế của cụ S và cụ S1 vào tham gia nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nội dung giải quyết của vụ án. Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh tư cách đương sự lại cho phù hợp và cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với nội dung này.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị M, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Cụ ông Võ Văn S, sinh năm 1910 (chết ngày 16/6/1982) và cụ Lê Thị S1, sinh năm 1912 (chết ngày 14/01/1997) chung sống với nhau có 10 người con gồm: Ông Võ Văn P6, sinh năm 1930 (chết ngày 05/10/2006) có người thừa kế gồm ông bà: Võ Thị L4, Võ Văn D2, Võ Thị T2, Võ Văn B1, Võ Văn Đ, Võ Thị Châu P1, Võ Thị Trúc L5. Ông Võ Văn D3, sinh năm 1932 (chết ngày 15/02/1997) có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn B3; Võ Thị T6 (đã chết ngày 06/01/2022). *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị T6 gồm: Ông Lê Văn Đ1, ông Lê Quốc V, Lê Thị Thùy T7;* Bà Võ Thị N9, sinh năm 1965 (đã chết ngày 11/01/2021). *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị N9 gồm: Lê Hồng C2 (chồng), Lê Thị Thúy K1, Lê Thị Thúy P5, Lê Thị Hồng T8, Lê Thị Hồng T9;* Võ Thị M, Võ Văn V1, Võ Thị M2, Võ Văn H3, Võ Văn Đ2, Võ Thị T10. Bà Võ Thị D4, sinh năm 1935 (chết ngày 02/6/2011) có người thừa kế gồm các ông bà: Lê Thị N2, Lê Văn T3, Lê Thị N3, Lê Văn K, Lê Thị N4, Lê Thanh B2. Ông Võ Văn R1, sinh năm 1936 (chết ngày 31/5/2013) có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn N7, *người thừa kế của bà Võ Thị L9 (đã chết năm 2018), gồm: Văn Công M1, Văn Thị Tài L7, Văn Thị Yến N8*, Võ Hồng T4, Võ Văn T5, Võ Tấn P4. Bà Võ Thị G1, sinh năm 1942 (chết ngày 25/11/2007) có người thừa kế gồm các ông bà: Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn N5, Nguyễn Văn L6, Nguyễn Thị N6, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thanh P3. Bà Võ Thị C, sinh năm 1948 (đã chết ngày 09/4/2021) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông bà: Trịnh Văn D, Trịnh Thị Ngọc N1, Trịnh Thị R, Trịnh Văn D1, Trịnh Thị Ly P, Trịnh Thị Sa L1, Trịnh Thị Ngọc N10. Ông Võ Văn T, sinh năm 1945 (đã chết ngày 02/7/2021) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông bà: Nguyễn Thị A, Võ Thanh H, Võ Thị Diệu T1, Võ Thanh H1, Võ Thiện L2. Ông Võ Văn L3, sinh năm 1945. Ông Võ Văn L, sinh năm 1947. Bà Võ Thị C1, sinh năm 1955. Ngoài ra không có con nuôi hay con riêng nào khác.

[2.2] Các đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất của cụ Võ Văn S và cụ Lê Thị S1, tạo lập đối với diện tích đất 355,8 m^2 đất, thể hiện tại các điểm 32, 44, 26, 12, 11, 22, 20, 18, 17, 16, 15, 14, 9, 7, 42, 41 trên Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ3 lập ngày 28/02/2022, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Diện tích đất này do vợ chồng ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị B quản lý, sử dụng và đang trồng cây ăn trái trên đất

[2.3] Tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông L, bà B có ý kiến xác định đây là di sản của cha mẹ ông L để lại không có di chúc, trường hợp chia di sản theo pháp luật

ông L đề nghị được nhận hiện vật là diện tích đất, đồng ý hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế còn lại. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy đối với ý kiến thừa nhận và đồng ý chia di sản thừa kế, phía nguyên đơn và bị đơn thống nhất với giá do Hội đồng định giá đã định nên cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự để xác định diện tích đất đất, thể hiện tại các điểm 32, 44, 26, 12, 11, 22, 20, 18, 17, 16, 15, 14, 9, 7, 42, 41 trên Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ3 lập ngày 28/02/2022, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có giá trị tính thành tiền 17.790.000 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) là di sản của cụ Võ Văn S, cụ Lê Thị S1 để chia di sản cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ S, cụ S1 là đúng theo quy định

[2.4] Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên cung cấp để giải quyết chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M do ông M3 là người đại diện theo ủy quyền, các đương sự đều thống nhất đất hiện do ông L, bà B quản lý, sử dụng tôn tạo và trồng cây trên đất nên giao toàn bộ di sản là đất cho ông L tiếp tục được quản lý, sử dụng là phù hợp theo quy định

[3] Bà M kháng cáo yêu cầu được nhận toàn bộ di sản bằng hiện vật nhằm tăng chiều dài diện tích đất mà nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng ý hoàn giá trị lại cho các đồng thừa kế khác và đề nghị định giá lại đối với tài sản.

[3.1] Đối với nội dung yêu cầu định giá lại của ông M3 là người đại diện theo ủy quyền của bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nhận thấy tại phiên tòa phúc thẩm ông M3 thừa nhận có sự việc tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thống nhất với giá của Hội đồng định giá năm 2021 là 50.000 đồng/m^2 không yêu cầu định giá lại, nguyên đơn đồng ý mức giá do hội đồng đã định, sau khi xét xử sơ thẩm thì ông M3 đại diện cho bà M cho rằng không hiểu biết và cho rằng giá thấp yêu cầu định giá lại là không phù hợp và không có cơ sở để xem xét.

[3.2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét trên đất có các cây trồng, các đương sự thống nhất đều do ông L, bà B trồng nhưng các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét tính giá trị các cây đã trồng trên đất, cũng như phần đất đã bồi đắp thêm, khi xét xử cấp sơ thẩm phải căn cứ theo tinh thần của Án lệ số 05AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính công sức gìn giữ, bồi đắp, tôn tạo thêm đối với phần diện tích đất này cho bị đơn nhưng sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn thống nhất với bản án sơ thẩm không kháng cáo chấp nhận với nội dung giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo cung cấp các ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao kỷ phần họ được nhận cho bà M nhưng đây chỉ là ý kiến của một trong số những người trong hàng thừa kế của cụ S, cụ S1. Vụ án đã được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện đối với các chứng cứ, giải quyết vụ án phù hợp theo quy định, bà M kháng cáo không

cung cấp được chứng cứ mới, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà M đối với bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên bà Võ Thị M phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Mai

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2024/DS -ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang:

Căn cứ các Điều 5, Điều 25, khoản 1 Điều 131, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế; khoản 1 Điều 623; Điều 650, Điều 651của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị M về yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ ông Võ Văn S, cụ bà Lê Thị S1 để lại.

2. Diện tích 355,8 m^2 đất, thể hiện tại các điểm 32, 44, 26, 12, 11, 22, 20, 18, 17, 16, 15, 14, 9, 7, 42, 41 trên Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ3 lập ngày 28/02/2022, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có giá trị tính thành tiền 17.790.000 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) là di sản của cụ Võ Văn S và cụ Lê Thị S1.

3. Những người thừa kế di sản của cụ Võ Văn S và cụ Lê Thị S1 gồm:

3.1. Ông Võ Văn P6, sinh năm 1930 (chết ngày 05/10/2006) có người thừa kế gồm ông bà: Võ Thị L4, Võ Văn D2, Võ Thị T2, Võ Văn B1, Võ Văn Đ, Võ Thị Châu P1, Võ Thị Trúc L5.

3.2. Ông Võ Văn D3, sinh năm 1932 (chết ngày 15/02/1997) có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn B3; Võ Thị T6 (đã chết ngày 06/01/2022). *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị T6 gồm: Ông Lê Văn Đ1, ông Lê Quốc V, Lê Thị Thùy T7;* Bà Võ Thị N9, sinh năm 1965 (đã chết ngày 11/01/2021). *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị N9 gồm: Lê Hồng C2 (chồng), Lê Thị Thúy K1, Lê Thị Thúy P5, Lê Thị Hồng T8, Lê Thị Hồng T9;* Võ Thị M, Võ Văn V1, Võ Thị M2, Võ Văn H3, Võ Văn Đ2, Võ Thị T10.

3.3. Bà Võ Thị D4, sinh năm 1935 (chết ngày 02/6/2011) có người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông bà: Lê Thị N2, Lê Văn T3, Lê Thị N3, Lê Văn K, Lê Thị N4, Lê Thanh B2

3.4. Ông Võ Văn R1, sinh năm 1936 (chết ngày 31/5/2013) có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn N7, *người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị L9 (đã chết năm 2018), gồm: Văn Công M1, Văn Thị Tài L7, Văn Thị Yến N8*, Võ Hồng T4, Võ Văn T5, Võ Tấn P4.

3.5. Bà Võ Thị G, sinh năm 1942 (chết ngày 25/11/2007) có người thừa kế gồm các ông bà: Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn N5, Nguyễn Văn L6, Nguyễn Thị N6, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thanh P3.

3.6. Bà Võ Thị C, sinh năm 1948 (đã chết ngày 09/4/2021) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông bà: Trịnh Văn D, Trịnh Thị Ngọc N1, Trịnh Thị R, Trịnh Văn D1, Trịnh Thị Ly P, Trịnh Thị Sa L1, Trịnh Thị Ngọc N10.

3.7. Ông Võ Văn T, sinh năm 1945 (đã chết ngày 02/7/2021) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông bà: Nguyễn Thị A, Võ Thanh H, Võ Thị Diệu T1, Võ Thanh H1, Võ Thiện L2.

3.8. Ông Võ Văn L3, sinh năm 1945

3.9. Ông Võ Văn L, sinh năm 1947

3.10. Bà Võ Thị C1, sinh năm 1955

Mỗi người thừa kế hưởng một kỷ phần bằng nhau thành tiền là 1.779.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn đồng*).

4. Ông Võ Văn L được nhận di sản thừa kế của cụ ông Võ Văn S, cụ bà Lê Thị S1 bằng hiện vật là quyền sử dụng diện tích 355,8 m^2 đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang trị giá 17.790.000 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*)

* Cụ thể ông Võ Văn L phải trả tiền như sau:

4.1. Ông Võ Văn P6 (đã chết ngày 05/10/2006) có người thừa kế gồm ông bà: Võ Thị L4, Võ Văn D2, Võ Thị T2, Võ Văn B1, Võ Văn Đ, Võ Thị Châu P1,

Võ Thị Trúc L5 số tiền 1.779.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

4.2. Ông Võ Văn D3, (đã chết ngày 15/02/1997) có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn B3; Võ Thị T6 (đã chết ngày 06/01/2022). *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị T6 gồm: Ông Lê Văn Đ1, ông Lê Quốc V, Lê Thị Thùy T7;* Bà Võ Thị N9, sinh năm 1965 (đã chết ngày 11/01/2021). *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị N9 gồm: Ông Lê Hồng C2 (chồng), Lê Thị Thúy K1, Lê Thị Thúy P5, Lê Thị Hồng T8, Lê Thị Hồng T9;* Võ Thị M, Võ Văn V1, Võ Thị M2, Võ Văn H3, Võ Văn Đ2, Võ Thị T10 số tiền 1.779.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

4.3. Bà Võ Thị D4, (đã chết ngày 02/6/2011) có người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị D4 gồm: Lê Thị N2, Lê Văn T3, Lê Thị N3, Lê Văn K, Lê Thị N4, Lê Thanh B2 số tiền 1.779.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

4.4. Ông Võ Văn R1 (đã chết ngày 31/5/2013) có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn N7, Võ Thị L9 (Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị L9, sinh năm 1972 (chết năm 2018), gồm chồng và con: Văn Công M1, Văn Thị Tài L7, Văn Thị Yến N8, Võ Hồng T4, Võ Văn T5, Võ Tấn P4 số tiền 1.779.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

4.5. Bà Võ Thị G1, (đã chết ngày 25/11/2007) có người thừa kế gồm các ông bà: Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn N5, Nguyễn Văn L6, Nguyễn Thị N6, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thanh P3 số tiền 1.779.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

4.6. Bà Võ Thị C (đã chết ngày 09/4/2021) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các con, các ông bà: Trịnh Văn D, Trịnh Thị Ngọc N1, Trịnh Thị R, Trịnh Văn D1, Trịnh Thị Ly P, Trịnh Thị Sa L1, Trịnh Thị Ngọc N10 số tiền 1.779.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

4.7. Ông Võ Văn T (đã chết ngày 02/7/2021) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm vợ và con: Nguyễn Thị A, Võ Thanh H, Võ Thị Diệu T1, Võ Thanh H1, Võ Thiện L2 số tiền 1.779.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

4.8. Ông Võ Văn L3 số tiền 1.779.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

4.9. Bà Võ Thị C1 số tiền 1.779.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

Ông Võ Văn L sau khi trả tiền xong cho mỗi người thừa kế nêu trên thì có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 355,8 m^2 đất, thể hiện tại các điểm 32, 44, 26, 12, 11, 22, 20, 18, 17, 16, 15, 14, 9, 7, 42, 41 trên Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ3 lập ngày 28/02/2022, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về chi phí tố tụng: Về chi phí thẩm định, định giá tài sản tổng cộng là 1.300.000 đồng *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)*. Bà Võ Thị M tự nguyện chịu phần 1.300.000 đồng *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)*. Đương sự đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự:

6.1. Về án phí dân sự sơ thẩm

+ Bà Võ Thị M được nhận lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003459 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

+ Ông Võ Văn P6 (đã chết ngày 05/10/2006) có người thừa kế gồm ông bà: Võ Thị L4, Võ Văn D2, Võ Thị T2, Võ Văn B1, Võ Văn Đ, Võ Thị Châu P1, Võ Thị Trúc L5 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Võ Văn D3 (đã chết ngày 15/02/1997) có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn B3; Võ Thị T6 (đã chết ngày 06/01/2022). *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị T6 gồm: Ông Lê Văn Đ1, ông Lê Quốc V, Lê Thị Thùy T7;* Bà Võ Thị N9, sinh năm 1965 (đã chết ngày 11/01/2021). *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị N9 gồm: Ông Lê Hồng C2, (chồng), Lê Thị Thúy K1, Lê Thị Thúy P5, Lê Thị Hồng T8, Lê Thị Hồng T9;* Võ Thị M, Võ Văn V1, Võ Thị M2, Võ Văn H3, Võ Văn Đ2, Võ Thị T10 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Võ Thị D4 (đã chết ngày 02/6/2011) có người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị D4 gồm: Lê Thị N2, Lê Văn T3, Lê Thị N3, Lê Văn K, Lê Thị N4, Lê Thanh B2 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Võ Văn R1 (đã chết ngày 31/5/2013) có người thừa kế gồm các ông bà: Võ Văn N7, Võ Thị L9 (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị L9, sinh năm 1972 (chết năm 2018), gồm chồng và con: Văn Công M1, Văn Thị Tài L7, Văn Thị Yến N8, Võ Hồng T4, Võ Văn T5, Võ Tấn P4 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Võ Thị G1 (đã chết ngày 25/11/2007) có người thừa kế gồm các ông bà: Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn N5, Nguyễn Văn L6, Nguyễn Thị N6, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thanh P3 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Võ Thị C (đã chết ngày 09/4/2021) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các con, các ông bà: Trịnh Văn D, Trịnh Thị Ngọc N1, Trịnh Thị R, Trịnh Văn D1, Trịnh Thị Ly P, Trịnh Thị Sa L1, Trịnh Thị Ngọc N10 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Võ Văn T (đã chết ngày 02/7/2021) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm vợ và con: Nguyễn Thị A, Võ Thanh H, Võ Thị Diệu T1, Võ Thanh H1, Võ Thiện L2 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Võ Văn L3 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Võ Văn L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Võ Thị C1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị M phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005682 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà M đã nộp đủ án phí

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Châu Phú;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Phú;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Ngọc Thúy